

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HS-ST

Ngày: 15 - 11 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Tĩnh;

2/ Ông Nguyễn Văn Sở.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

- Họ tên: Nguyễn Ngọc Tuấn T; sinh năm 1998 tại Long An (Có mặt);

Nơi cư trú: Số 253, Ấp 1, xã B, thành phố T, tỉnh L; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được tại ngoại điều tra.

- Người bị hại: Bà Trương Thị Phan T, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Số 165, đường C, Phường 3, thành phố T, tỉnh L (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Kiều C, sinh năm 1965; Địa chỉ: B22, ấp B2, xã V, huyện B, thành phố H (*Vắng mặt*).

+ Ông Lương Hồng T, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số 174, đường L, phường T, quận T, thành phố H (*Vắng mặt*).

- *Người làm chứng:* Ông Phan Duy Khang (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 15/7/2019, chị Trương Thị Phan T để quên 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 trong nhà vệ sinh của quán cà phê Cóc do chị làm chủ tại địa chỉ: Số 165, đường Châu Thị Kim, Phường 3, thành phố T, tỉnh L. Lúc này, Nguyễn Ngọc Tuấn T là khách đến uống nước, có đi vào nhà vệ sinh, phát hiện điện thoại di động Iphone 6 để sơ hở nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. T lén lút lấy điện thoại, tắt nguồn và bỏ vào túi quần rồi ra ngoài uống nước bình thường. Lát sau, phát hiện mất điện thoại, chị Thiết nghi ngờ T lấy, chị có hỏi và yêu cầu T trả lại nhưng T nói không biết nên không trả. Sau đó T điều khiển xe mô tô biển số 51P6 – 7512 đem theo điện thoại vừa trộm được đi đến đường Huỳnh Văn Đảnh cất giấu vào bụi cây và quay trở lại quán của chị Thiết uống nước. Khi T trở lại quán thì bị lực lượng Công an mời làm việc, tại cơ quan Công an T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và chỉ ra nơi cất giấu tài sản.

Tại Kết luận định giá số 188/KL-HĐĐG ngày 24/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Công an thành phố T xác định giá trị của chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng 32GB có giá trị là 4.541.000đ; 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa trong, viền màu tím có giá trị là 84.000đ; 01 thẻ sim vina có giá trị là 50.000đ, tổng cộng tài sản chiếm đoạt có giá trị là 4.675.000đ. Các tài sản này cơ quan CSĐT đã trả lại cho chị Trương Thị Phan T.

Vật chứng liên quan đến vụ án: 01 xe mô tô biển số 62P6-7512, số máy 10667344, số khung: 10667352, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Lương Hồng T. Hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L đang quản lý.

Tại Cáo trạng số 89/CT-VKSTA-HS ngày 29/10/2019 của Viện kiểm sát

nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Tuấn T về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc Tuấn T thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Người bị hại chị Trương Thị Phan T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong giai đoạn điều tra, chị có ý kiến là đã nhận lại các tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Lương Hồng T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong giai đoạn điều tra có ý kiến như sau: Ông đứng tên giấy đăng ký xe mô tô biển số 51P6 – 7512, năm 2005 ông đã bán xe này cho chị Nguyễn Thị Kiều C, khi bán không làm thủ tục sang tên. Do chiếc xe này ông đã bán nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Kiều C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong giai đoạn điều tra có ý kiến như sau: Năm 2005 chị mua xe mô tô biển số 51P6 – 7512 của ông Lương Hồng T, đến năm 2014 chị bán xe này cho Nguyễn Ngọc Tuấn T với giá 2.000.000đ. Do chiếc xe này chị đã bán nên chị không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Tuấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 xử phạt bị cáo mức án tù 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 51P6 – 7512 số máy 10667344, số khung: 10667352, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Lương Hồng T đề nghị xử lý theo quy định pháp luật

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại chị Trương Thị Phan T không có yêu cầu gì nên không đề cập đến.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Tuấn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết mình sai và hối hận với hành vi phạm tội của mình, đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp.

[2] Người bị hại, chị Trương Thị Phan T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kiều C, ông Lương Hồng T vắng mặt tại phiên tòa nhưng xét thấy trong giai đoạn điều tra đã thể hiện đầy đủ lời khai và ý kiến của các đương sự này nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc Tuấn T khai nhận: Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 15/7/2019, trong lúc uống nước tại quán cà phê Cóc do chị Trương Thị Phan T làm chủ, Nguyễn Ngọc Tuấn T đi vào nhà vệ sinh và phát hiện điện thoại di động Iphone 6 của chị Thiết để sơ hở nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. T đã tắt nguồn điện thoại, bỏ vào túi quần về mang đi cất giấu. Tổng giá trị tài sản mà T lấy trộm là 4.675.000đ.

[4] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở để kết luận hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Ngọc Tuấn T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt một cách nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Xét, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị hại có đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51, có nhân thân tốt, có địa chỉ rõ ràng, tại nơi cư trú bị cáo chấp hành đúng chính sách, pháp luật của nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, bị cáo không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đủ điều kiện áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự 2015 vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, giám sát giáo dục cũng đủ răn đe giáo dục chung, cũng như tạo điều kiện để giúp đỡ bị cáo sửa chữa lỗi lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

[8] Đối với tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhưng xét thấy hiện nay bị cáo chỉ đi làm thuê, thu nhập thấp nên miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Trương Thị Phan T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng 32GB; 01ốp lưng điện thoại bằng nhựa trong, viền màu tím; 01 thẻ sim vina cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] 01 xe mô tô biển số 51P6-7512, số máy 10667344, số khung: 10667352, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Lương Hồng T. Hiện đang do

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L đang quản lý. Xét, chiếc xe do bị cáo điều khiển đi đến nơi thực hiện việc trộm cắp tài sản, tuy nhiên việc trộm cắp của bị cáo nảy sinh sau khi thấy chủ sở hữu tài sản sơ hở trong việc trông coi tài sản chứ không phải mục đích trước đó của bị cáo. Bị cáo đã mua lại chiếc xe của người khác mà giấy đăng ký xe do ông Lương Hồng T đứng tên nhưng ông Tươi không có yêu cầu gì về xe nên xét thấy cần trả lại cho bị cáo.

[12] Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Tuấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Tuấn T 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Tuấn T cho Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh L nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc Tuấn T 01 xe mô tô biển số 51P6-7512, số máy 10667344, số khung: 10667352, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Lương Hồng T, chiếc xe hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T đang quản lý.

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Tuấn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được cấp tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi Nhận :

- TAND tỉnh L;
- VKSND Tp T;
- CA Tp T;
- Chi cục THA Tp T;
- Bị cáo; Dương sự;
- Lưu hồ sơ; VP./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Phan